

Số: 4467/QĐ-UBND

Phong Thỏ, ngày 02 tháng 12 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt bổ sung phương án BTHTTĐC để thực hiện dự án: Xây dựng  
trạm Barie kiểm soát an ninh, hàng hóa, phương tiện tại khu vực Km1,  
Quốc lộ 12, khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, huyện Phong Thỏ**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy  
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy  
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài  
nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích  
sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài  
nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi  
Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND  
tỉnh Lai Châu ban hành Quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho  
công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu  
hồi đất trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh  
Lai Châu về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Quy định ban hành kèm  
theo Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Quy  
định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi  
thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh  
Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên  
đất, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất  
trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 77/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND  
tỉnh Lai Châu về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực  
hiện thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện  
phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền  
của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh  
Lai Châu phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Phong Thỏ,  
tỉnh Lai Châu;*





Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng trạm Barie kiểm soát an ninh, hàng hóa, phương tiện tại khu vực Km1, Quốc lộ 12, khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, huyện Phong Thổ;

Căn cứ Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng trạm Barie kiểm soát an ninh, hàng hóa, phương tiện tại khu vực Km5, Quốc lộ 12, khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng (bổ sung loại đất);

Căn cứ Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Công văn số 60/UBND-XD ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Phong Thổ;

Căn cứ Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thực hiện dự án: Xây dựng trạm Barie kiểm soát an ninh, hàng hóa, phương tiện tại khu vực Km1, Quốc lộ 12, khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, huyện Phong Thổ;

Căn cứ Quyết định số 3278/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Phong Thổ về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Xây dựng trạm Barie kiểm soát an ninh, hàng hóa, phương tiện tại khu vực Km1, Quốc lộ 12, khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, huyện Phong Thổ;

Căn cứ Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt phương án BTHTTĐC để thực hiện dự án: Xây dựng trạm Barie kiểm soát an ninh, hàng hóa, phương tiện tại khu vực Km1, Quốc lộ 12, khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, huyện Phong Thổ;

Xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 317/TTr-TNMT ngày 01/12/2020.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung phương án BTHTTĐC để thực hiện dự án: Xây dựng trạm Barie kiểm soát an ninh, hàng hóa, phương tiện tại khu vực Km1, Quốc lộ 12, khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, huyện Phong Thổ với những nội dung như sau:

**\* Tổng mức BTHTTĐC do Chủ dự án phải chi trả là 129.851.100 đồng.**

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, một trăm đồng).

Trong đó:

|                                              |                  |
|----------------------------------------------|------------------|
| + Bồi thường về đất:                         | 0 đồng           |
| + Bồi thường về cây trồng, hoa màu trên đất: | 0 đồng           |
| + Bồi thường về tài sản, vật kiến trúc:      | 0 đồng           |
| + Chính sách hỗ trợ:                         | 129.851.100 đồng |

(có bảng tổng hợp kinh phí chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Nguồn vốn thực hiện: Nguồn kinh phí bồi thường, GPMB được phê duyệt tại Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND huyện Phong Thổ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch huyện; Giám đốc: Kho bạc Nhà nước huyện, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện, Ban quản lý dự án huyện; Chủ tịch UBND xã Ma Li Pho; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án BTHTTĐC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



  
Trần Bảo Trung



## BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI TIẾT

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRẠM BARIE KIỂM SOÁT AN NINH, HÀNG HÓA, PHƯƠNG TIỆN  
TẠI KM1, QUỐC LỘ 12, KHU KTCK MA LÙ THÀNG, HUYỆN PHONG THỎ (BỔ SUNG LẦN 1)

(Kèm Quyết định số 4467/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND huyện Phong Thổ)

Đơn vị tính: đồng

| STT | DANH MỤC BỒI THƯỜNG         | ĐVT | SL | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN  | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------------|-----|----|---------|-------------|---------|
| A   | GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG          |     |    |         | 129.851.100 |         |
|     | Trong đó:                   |     |    |         |             |         |
|     | Bồi thường về đất           |     |    |         | -           |         |
|     | Cây trồng, hoa màu trên đất |     |    |         | -           |         |
|     | Tài sản, vật kiến trúc      |     |    |         | -           |         |
|     | Chính sách hỗ trợ           |     |    |         | 129.851.100 |         |
| B   | CHI PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN   |     |    |         |             |         |
|     | TỔNG CỘNG                   |     |    |         | 129.851.100 |         |

## BẢNG TÍNH TOÁN CHI TIẾT

| STT | HẠNG MỤC                                    | ĐVT            | SL      | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN | GHI CHÚ |
|-----|---------------------------------------------|----------------|---------|---------|------------|---------|
| 1   | Cao Quý Hường (đồng sử dụng: Phạm Văn Hiếu) |                |         |         | 89.686.200 |         |
|     | Chính sách hỗ trợ                           |                |         |         | 89.686.200 |         |
|     | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm | m <sup>2</sup> | 1.299,8 | 69.000  | 89.686.200 |         |
| 2   | Phạm Văn Hiếu (đồng sử dụng: Cao Quý Hường) |                |         |         | 40.164.900 |         |
|     | Chính sách hỗ trợ                           |                |         |         | 40.164.900 |         |
|     | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm | m <sup>2</sup> | 582,1   | 69.000  | 40.164.900 |         |